TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2024
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Năm

2. Ông Phan Văn Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Bích N, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ (HKTT): Ấp GL, xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm xxxx. *(vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp GL, xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Bích N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 16/5/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu tháng 11/2023 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi. Năm 2023, chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì anh T có thay đổi, vì muốn gia đình hòa thuận, con có đầy đủ cha mẹ nên chị đã tha thứ cho chồng và quay trở về cuộc sống hôn nhân bình thường.

Tuy nhiên, sau đó trong quá trình chung sống, chị và anh T tiếp tục xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc và công việc dẫn đến không thể chung sống được nữa. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Nhật Tuấn K, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Mạnh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh không biết nguyên nhân vợ anh yêu cầu ly hôn vì vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Trong cuộc sống vợ chồng có cãi nhau cũng là chuyện bình thường, ai chung sống với nhau cũng sẽ xảy ra những bất đồng nhưng anh không to tiếng, chửi mắng hay đánh đập vợ anh. Hiện anh vẫn còn tình cảm và thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Nhật Tuấn K, sinh ngày xx/xx/xxxx, anh muốn con anh có đầy đủ cha mẹ chung sống và cùng nuôi dưỡng con trưởng thành nên anh không đồng ý với yêu cầu của vợ anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Bích N, cho chị N được ly hôn với anh Vũ Mạnh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Nhật Tuấn K, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, nhận thấy:

Chị và anh T kết hôn năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 16/5/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023; chị N đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T; sau đó, chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng quá trình chung sống vợ chồng chị tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn nên năm 2024 chị tiếp tục nộp đơn xin ly hôn lần 2 trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế cuộc sống chung của vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, chị N xác định do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi; anh T cũng xác định vợ chồng anh chung sống có xảy ra mâu thuẫn, dù anh T xác định mâu thuẫn không lớn nhưng việc chị N 02 lần nộp đơn ly hôn, anh vẫn không có giải pháp hàn gắn tình cảm; hơn nữa hiện anh chị đã sống ly thân và bỏ mặc nhau nên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

4 Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Nhật Tuấn K, sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N là có cơ sở chấp nhận; vì cháu hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị sau khi vợ chồng chị ly hôn nên việc giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

5 Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Bích N, cho chị N được ly hôn với anh Vũ Mạnh T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Vũ Nhật Tuấn K, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con:

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013244 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T1, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.